

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2024.

"*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Lũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông: Trần Quang Chử;

2- Bà: Dương Thị Thu Hồng.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trương Thị H1, sinh năm 1994;

Đăng ký HKTT tại: thôn K, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: thôn S, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

* Bị đơn: Anh Lê Văn S, sinh năm 1988.

Đăng ký HKTT tại: thôn K, xã P, huyện A, Hưng Yên.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Lê Huy H2, sinh ngày 07/3/2013;

+ Cháu Lê Anh T, sinh ngày 01/8/2015;

Đều đăng ký HKTT tại: thôn K, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: thôn S, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

* Những người đại diện theo pháp luật cho cháu H2 và cháu T: Chị Trương Thị H1 và anh Lê Văn S.

* Những người làm chứng:

- Ông Lê Quang H3, sinh năm 1962. (là bố đẻ của anh S)

Trú tại: thôn K, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Trương Công B, sinh năm 1969. (là bố đẻ của chị H1)

Trú tại: thôn Đ, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Trương Thị H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn S, sinh năm 1988 trú tại: thôn K, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên là hai người cùng địa phương, có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên vào ngày 23/4/2012. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, chị về ngay gia đình anh S làm ăn chung sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống không hợp nhau, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt dần. Tuy nhiên chị cũng đã cố gắng khắc phục chịu đựng để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng căng thẳng đến tháng 11 năm 2023 thì chị bỏ gia đình anh S ra ngoài thuê nhà ở riêng tại thôn S, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên làm ăn sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau thì không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, vợ chồng không thể níu kéo được với nhau nữa, vợ chồng đã sống ly thân nhau và không ai còn quan tâm đến nhau nữa, chị kiên quyết đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ân Thi giải quyết cho chị được ly hôn với anh S để chị sớm được ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong quá trình vợ chồng chung sống chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Huy H2, sinh ngày 07/3/2013 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 01/8/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị. Nếu vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung đến tuổi thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập anh S nhiều lần để tiến hành lấy lời khai và mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do. Do vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng cho anh, chị được.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Lê Huy H2 và cháu Lê Anh T đều thống nhất trình bày:** Việc mẹ các cháu có đơn xin ly hôn với bố các cháu đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên giải quyết các cháu có biết. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bố, mẹ các cháu thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau, còn lý do tại sao thì các cháu không biết và hiện nay bố, mẹ các cháu không còn chung sống cùng với nhau từ rất lâu. Nguyên vọng của các cháu mong muốn Tòa án hoà giải để bố, mẹ các cháu được về chung sống đoàn tụ tập chung nuôi dạy anh em các cháu được trưởng thành. Trong trường hợp bố, mẹ các cháu mà không về chung sống đoàn tụ được thì nguyện vọng của các cháu xin được ở cùng với mẹ các cháu.

* Ngày 12/11/2024 Toà án tiến hành lấy lời khai của ông Lê Quang H3 (là bố đẻ của anh S) để xác minh về quan hệ hôn nhân của anh, chị được ông H3 cung cấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H1 và anh S là hai người cùng địa phương kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên vào ngày 23/4/2012. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, chị H1 về ngay gia đình anh S làm ăn chung sống. Vợ chồng anh S, chị H1 chung sống cùng gia đình ông khoảng hai tháng thì gia đình ông cho vợ chồng anh chị ra ở riêng ở trên mảnh đất của gia đình ông. Vợ chồng anh H1, chị S ở nhà một thời gian thì bàn bạc đi làm ăn xa trên Điện Biên. Theo ông được biết thì vợ chồng anh S và chị H1 chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng làm ăn kinh tế bị thua lỗ, nợ nần nên căn nhà của vợ chồng anh chị cũng phải bán đi để trả nợ. Sau đó chị H1 đã mang con về quê sinh sống cùng gia đình ông khoảng nửa năm thì ba mẹ con bỏ ra ngoài thuê nhà trọ ở riêng và vợ chồng anh S, chị H1 sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng chị H1 và anh S xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau thì gia đình ông cũng đã động viên khuyên bảo để vợ chồng về chung sống đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung nhưng chị H1 không nghe. Nay chị H1 có đơn xin ly hôn với anh S, gia đình ông không mong muốn nhưng nếu chị H1 vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh S thì ông không can thiệp để vợ chồng tự quyết định.

- Về con chung: Ông xác định trong quá trình chung sống vợ chồng chị H1 và anh S có 02 con chung là cháu Lê Huy H2, sinh ngày 07/3/2013 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 01/8/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị H1. Nếu vợ chồng ly hôn để anh chị tự thu xếp ông không can thiệp. Nếu anh S được giao nuôi con chung thì vợ chồng ông sẽ giúp đỡ anh S chăm sóc các cháu.

- Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Ông không nắm được ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về công sức: Ông xác định chị H1 và anh S không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình ông.

Ông xác định do điều kiện hiện anh S đang làm ăn xa và thường liên lạc với gia đình qua điện thoại. Nếu Tòa án tiến hành triệu tập hay thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh S, ông đề nghị Tòa án gửi về cho gia đình ông để gia đình ông sẽ có trách nhiệm gửi và thông báo các nội dung của văn bản tố tụng cho anh S nắm được để anh S bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

* Ông Trương Công B (là bố đẻ của chị H1) có quan điểm xác định: Hiện vợ chồng chị H1 và anh S đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, gia đình ông cũng đã khuyên bảo vợ chồng anh chị nhưng cũng không được. Nay chị H1 có đơn xin ly hôn với anh S ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H1 để chị H1 sớm được ổn định cuộc sống.

* Ngày 23/10/2024 Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của anh, chị được địa phương cung cấp: Anh S và chị H1 đều hộ có khẩu thường trú tại thôn K, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Chị H1 và anh S là hai người cùng địa phương kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên vào ngày 23/4/2012 tại số B Q 01/2012. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương chị H1 về ngay gia đình anh S làm ăn chung sống. Quá trình chung sống vợ chồng không có điều tiếng gì ở địa phương nhưng đến khoảng 2018 thì vợ chồng mâu thuẫn chị H1 và anh S không chung sống cùng nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được. Khoảng tháng 11/2023 chị H1 thuê nhà ở riêng cùng hai con cho đến nay. Nay chị H1 có đơn xin ly hôn anh S và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ân Thi giải quyết. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án tiến hành xác minh và căn cứ vào lời khai của các đương sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Địa phương xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Huy H2, sinh ngày 07/3/2013 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 01/8/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị H1. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xác minh và căn cứ vào lời khai của các đương sự để giải quyết việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chính quyền địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai của các đương sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/12/2024 Tòa án nhân dân huyện Ân Thi đã mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án ly hôn giữa chị H1 và anh S. Tại phiên tòa chỉ có mặt chị H1 còn anh S vắng mặt không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử phải ra quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục mở phiên tòa xét xử vào ngày 25/12/2024.

Tại phiên Tòa hôm nay:

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của Nguyên đơn là chị Trương Thị H1; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Lê Huy H2 và cháu Lê Anh T; Lời khai của những người làm chứng là ông Lê Quang H3 (là bố đẻ của anh S) và ông Trương Công B (là bố đẻ của chị H1); Biên bản xác minh với UBND xã P về quan hệ hôn nhân giữa chị H1 và anh S và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Chị H1 vắng mặt tại phiên tòa có lý do, còn anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H1 và anh S theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán thụ lý vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Đề xuất của Kiểm sát viên:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trương Thị H1 được ly hôn với anh Lê Văn S.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Lê Huy H2 và cháu Lê Anh T cho chị H1 được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H1 không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh S được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Chị H1 tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự cần ghi nhận nên không đặt ra giải quyết.

Sau này anh S có đơn khởi kiện yêu cầu về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác của vợ chồng sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Thị H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn S. Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn S có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại: thôn K, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa có lý do, còn bị đơn anh Lê Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị H1 và anh Lê Văn S là hai người cùng địa phương kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên vào ngày 23/4/2012, hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 3 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo các tài liệu chứng cứ thu thập được thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H1 và anh S là do vợ chồng không hợp nhau nên hay xảy ra đánh cãi chửi nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và trong làm ăn kinh tế. Bên cạnh đó thì anh S không quan tâm đến gia đình, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, cuộc sống

vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng và kéo dài, đỉnh điểm là đến tháng 11/2023 thì anh chị sống ly thân nhau. Trong thời gian anh, chị sống ly thân nhau thì không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập càng làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm sâu sắc, tình cảm vợ chồng ngày càng dạn nứt, hạnh phúc gia đình không đạt được.

Sau khi chị H1 có đơn xin ly hôn anh S gửi Toà án. Toà án tiến hành thụ lý vụ án và thông báo cho anh S, gia đình anh S đều nhận được các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án và đã thông báo cho anh S biết nội dung nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do. Do vậy Toà án không thể tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình được, còn chị H1 vẫn giữ nguyên quan điểm kiên quyết xin ly hôn.

Như vậy qua phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh, chị đã phát sinh và kéo dài, thời gian anh, chị sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau đã quá lâu. Thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H1 và anh S đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần thiết giải quyết cho anh, chị được ly hôn để mỗi người có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Huy H2, sinh ngày 07/3/2013 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 01/8/2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị H1 và do chị H1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến nay. Quan điểm của chị H1 nếu vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hội đồng xét xử nhận thấy bản thân anh S không đến Tòa án làm việc nên không tiến hành xác minh được quan điểm của anh S về việc chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Mặt khác quan điểm của chị H1 cũng hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của hai cháu xin được ở cùng với mẹ. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho cả hai cháu H2 và T về mọi mặt. HĐXX giao cả hai cháu H2 và T cho chị H1 được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi thành niên, sau này nếu anh S có yêu cầu về việc nuôi con thì sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H1 không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi các con chung cho chị H1 là phù hợp. Anh S được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Chị H1 tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự cần ghi nhận nên không đặt ra giải quyết.

Sau này anh S có đơn khởi kiện yêu cầu về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác của vợ chồng sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[6] Án phí: Chị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại. Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị H1 được ly hôn anh Lê Văn S.

* Con chung: Giao cho chị H1 được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung của vợ chồng là cháu Lê Huy H2, sinh ngày 07/3/2013 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 01/8/2015 đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H1 không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh S được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

* Tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Không đặt ra giải quyết.

Sau này anh S có đơn khởi kiện yêu cầu về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác của vợ chồng sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

* Án phí: Chị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001364 ngày 10 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị H1 đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA huyện;
- UBND xã Phù Ứng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Lũng